

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/03/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20, có nơi trên 20mm như: Sìn Hồ (Lai Châu) 59.2mm, Yên Sơn (Tuyên Quang) 25.5mm, Phiêng Lanh (Sơn La) 28.3mm, Sa Pa (Lào Cai) 49.1mm, Hà Giang 35.6mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tương đương với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 68%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 48%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế tương đương so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 62%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 46%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-30mm, có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái ít biến đổi và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 72%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 49%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế xấp xỉ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 24%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 30%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1-15mm, có nơi trên 15mm như: Ngân Sơn (Bắc Cạn) 25.5mm, Thất Khê (Lạng Sơn) 20.8mm.
- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 551%. + Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 40%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 3-15mm, có nơi trên 20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 373. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 25%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
Tổng lượng mưa: khu vực Thanh Hóa và Nghệ An phổ biến dưới 10mm, riêng Vinh (Nghệ An) 11.7mm; khu vực từ Hà Tĩnh đến Tp. Huế phổ biến 10-40mm, có nơi trên 50mm như: Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 54.7mm, Đông Hà (Quảng Trị) 92.7mm, Tp. Huế 171.1mm, A Lưới 166.7mm, Nam Đông 262.9 mm
Tổng lượng dòng chảy: + Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 18%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 45%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 38%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 639%.
b. Dự báo, cảnh báo
Tổng lượng mưa: phổ biến 3-15mm, có nơi trên 15mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy ở mức xấp

xi TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 21%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 45%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 27%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 527%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa:

Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm, có nơi trên 120mm như: Đà Nẵng 150.2mm, Hội An (Quảng Nam) 283.3mm, Lý Sơn (Quảng Ngãi) 135.4mm, Quy Nhơn (Bình Định) 121.1mm,.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động và tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 205% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 230%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 47%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 29%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 73%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 112% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 67%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 2-10mm, có nơi trên 15mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 168%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 180%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng

Sơn thấp hơn so với TBNN 30% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 57%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 10mm; có nơi trên 20mm như M Đắc 38.9mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần vừa qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên 2 lưu vực đều phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 26%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN khoảng 44%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2-7mm, có nơi trên 10mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và Krông Ana biến đổi ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 19%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 27%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 32%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc tương đương TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/03/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/03/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	26.2	>263	2.6	1.8	5.4	1.4	0.4	0	0	11.6	<43
	Sơn La	11.5	>68	1	2	1.9	7.1	0	0	0.4	12.4	<7
	Hòa Bình	0.1	<98	1.6	0	0.1	0.3	0.3	1.3	1.2	4.8	<36
	Lào Cai	9.5	>79	5.3	3.7	0.8	0.9	0.7	0.9	0.7	13	<37
	Yên Bái	14	>28	0.3	0.1	0.4	2	2.1	1.7	0.7	7.3	<59
	Tuyên Quang	13.1	>91	1.2	0.2	0.6	1.5	0.8	1	0.9	6.2	<57
	Hà Giang	35.6	>271	11.9	6.3	3.8	2.8	5.4	8.1	6.1	44.4	>122
	Láng	8.3	<17	1.9	0.4	0.1	0.7	0.6	1.3	1	6	<53
	Thái Bình	1.3	<87	2.2	0.9	0.7	0.8	0.6	0.7	0.9	6.8	<32
	Nam Định	0.2	<99	2.4	1.1	0.5	0.7	0.6	1	0.7	7	<41
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	14.8	>133	2.4	0.9	1.2	2.8	2.7	3.5	4.2	17.7	>6
	Thái Nguyên	2.9	<72	2.1	0.5	0.7	1.2	0.8	1.6	1	7.9	<65
	Bắc Ninh	6.5	<1	0.9	0.5	0.6	0.9	0.5	0.8	1.8	6	<60
	Lạng Sơn	1.8	<78	0.2	0.8	0.5	0.5	0.6	0.8	0.6	4	<80
	Bắc Giang	1.5	<86	0.2	0.4	0.6	0.4	0.4	0.6	0.7	3.3	<78
	Hải Dương	0	<100	0.1	0.6	0.5	0.6	0.4	1	0.8	4	<70
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	0.5	<91	1.4	0.2	0.4	0.4	0.8	1.8	1.9	6.9	<43
	Bái Thượng	6.4	<47	0.7	1.2	0.5	0.6	0.6	1.9	1.5	7	<39
	Thanh Hóa	2	<81	0.9	0.6	0.3	0.4	0.4	0.9	0.7	4.2	<62
	Quỳ Châu	1	<86	2.2	0.7	0	1	0.7	1	1.3	6.9	<7
	Cửa Rào	1	<85	1.7	0.4	0.1	8.6	0.1	0.5	0.3	11.7	>7
	Đô Lương	10	>28	2	0.3	0	0.2	0.3	0.3	0.7	3.8	<63

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	11.7	>26	1.5	0.3	0.1	0	0.1	0.1	0.3	2.4	<75
	Hương Sơn	8.5	<29	2.6	0.3	0	0.1	0.1	0.1	0.7	3.9	<80
	Hương Khê	9.6	<27	2.1	0.5	0	0.7	0.1	1	0.9	5.3	<56
	Hà Tĩnh	13.3	<13	1.7	1	0.1	0	0	0.1	0.4	3.3	<73
	Đồng Hới	25.3	>169	1.1	1	0.3	0	0	0.1	0.9	3.4	<40
	Quảng Trị	92.7	>1415	0.4	0.4	0	0	0	0	0.2	1	<87
	Nam Đông	262.9	>2709	2.9	0.6	0	0	1.9	0.3	0.8	6.5	<22
	Huế	171.1	>2134	0.5	0.3	0	0	0	0	0.1	0.9	<87
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	150.2	>2800	4.2	1.3	0.1	0	0	0	0.7	6.3	<17
	Trà My	110.8	>1285	1.5	0.2	0	0.1	0	1.7	0.2	3.7	<78
	Ba Tơ	48.3	>428	3.5	1.1	0	0	0	0	0	4.6	<72
	Quảng Ngãi	85.3	>2525	2.9	0.8	0	0	0	0	0	3.7	<72
	Quy Nhơn	121.1	>1778	3.1	0.9	0.2	0	0	0.1	0.2	4.5	<63
	An Khê	15.1	>514	1.1	0.3	0	0	0.1	0.1	0.3	1.9	<77
	Tuy Hòa	31.6	>388	1.7	0.4	0.3	0.1	0.1	0	0.7	3.3	<79
	Nha Trang	5.9	<26	6.3	0.3	0	0	0.1	0	0.2	6.9	<64
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	0.2	0	0	0.1	0.3	1.6	0	2.2	<82
	Lắk	0.3	<91	1.2	0.8	0.1	0.1	0.1	0.1	0	2.4	<63
	Buôn Mê Thuật	0	<100	0.6	0.1	0	1	0	3.8	5.7	11.2	<67
	Biên Hòa	0.3	<97	0.4	1.5	0.2	0.4	0.3	0.1	0	2.9	<74
	Cần Thơ	0	<100	0.7	0.4	0.2	0.8	0.3	0.8	0.1	3.3	<66

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/03/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/03 đến 14/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/03	16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	31	<68	4.7	4.6	4.5	4.4	4.3	4.3	4.2	31	<72
Lô	Tuyên Quang	70.33	<48	11	10	11	11	10	10.0	10	73	<49
Đà	Hồ Hòa Bình	498.32	>62	86	78	73	65	60	51.0	48	461	>24
Hồng	Hà Nội	694	>46	111	107	102	97	93	88.0	86	685	>30
Cầu	Gia Bảy	66.89	>551	9.81	10.54	9.81	9.07	8.42	8.4	8.04	64.1	>373
Lục Nam	Chũ	2.42	>40	0.24	0.24	0.24	0.27	0.38	0.4	0.31	2.06	<25
Mã	Cắm Thủy	79.8	~ TBNN	13.04	12.67	12.43	12.18	11.94	11.7	11.33	85.28	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	149.4	> 18	23.85	23.18	22.74	22.29	21.85	21.4	20.73	156	> 21
La	Hòa Duyệt	36.9	> 45	5.18	5.03	4.94	4.84	4.74	4.6	4.5	33.9	> 27
Tả Trách	Thượng Nhật	22.4	> 639	2.8	2.6	2.3	2.4	2.3	2.1	1.9	16.4	> 527
Thu Bồn	Nông Sơn	204.4	> 205	27.6	26.1	25.1	25.9	24.2	21.8	19.9	170.6	> 168
Trà Khúc	Sơn Giang	141.5	> 230	18.7	17	16	15.1	14.4	15.3	14.1	110.6	> 180

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/03 đến 14/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/03	16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Ba	Củng Sơn	21.17	<29	3.46	3.28	3.11	3.02	2.76	2.6	2.42	20.64	<30
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	24.8	>73	3.63	3.46	3.37	3.28	3.2	3.1	3.02	23.07	>57
ĐăkBlá	KonTum	14.65	< 26	2	1.91	2.14	2.08	2.23	2.4	2.62	15.5	< 19
Srêpôk	Giang Sơn	16.46	> 44	2.21	2.13	2.04	1.99	2.09	2.2	2.06	14.7	> 27
Tiền	Tân Châu			382	364	353	338	332	323	314	2405	>32
Hậu	Châu Đốc			40	40	42	44	41	39	37	281	~ TBNN